

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hiền

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLST - DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST - DS, ngày 21 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã KT, huyện UM, tỉnh CM (có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ cư trú: Ấp 14, xã KH, huyện UM, tỉnh CM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2018 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Th trình bày: Vào ngày 17 tháng 7 năm 2018 (âm lịch) chị Nguyễn Thị H mượn của chị số tiền là 15.000.000 đồng có biên nhận nợ, chị H hứa một tháng sẽ trả nhưng chị H không trả số tiền trên. Nay chị Nguyễn Thị Th yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị H địa chỉ cư trú ấp 14, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, trả tiền vay, xét đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Chị Nguyễn Thị H được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt chị H theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Th xác định chị Nguyễn Thị H có nợ chị số tiền là 15.000.000 đồng, chị Th chứng minh bằng biên nhận ngày 17/7/2018 thể hiện nội dung chị H có mượn của chị Th số tiền 15.000.000 đồng, chị H có ký nhận vào biên nhận nhưng đến hạn không trả tiền cho chị Th, chị Th yêu cầu chị H trả tiền cho chị. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Nguyễn Thị H thông báo thụ lý vụ án và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị H không có ý kiến gì liên quan đến yêu cầu của chị Th và vắng mặt không lý do. Từ đó cho thấy mặt nhiên chị H đã thừa nhận nợ đối với chị Th nên yêu cầu của chị Th là có căn cứ nên chấp nhận, buộc chị H có nghĩa vụ trả cho chị Th số tiền 15.000.000 đồng.

Về lãi suất: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí, chị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 375.000 (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004073 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho chị Th.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải chịu 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc chị Nguyễn Thị H trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí, chị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 375.000 (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004073 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho chị Th.

+ Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải chịu 750.000 (Bảy trăm năm chục nghìn) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

Dư Thanh Nguyễn